

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2026/HC-PT

Ngày: 13/3/2026.

*V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**

ông **Đinh Phước Hòa**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 161/TLPT-HC ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 136/2025/HC-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 419A/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Lưu Văn D.

Địa chỉ thường trú: thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ liên hệ: 5 đường Q, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Lưu Văn D: ông Phạm Hữu H; địa chỉ: 5 đường Q, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 10/12/2024). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk).

- *Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:* ông Bùi Duy H1; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền số 180/QĐ-UBND ngày 18/7/2025). Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lục Thị S; địa chỉ thường trú: thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên hệ: số E đường Q, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp huyện E.

Địa chỉ: số B đường N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Lưu Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Lưu Văn D là ông Phạm Hữu H trình bày:*

Hộ ông Lưu Văn D và bà Lục Thị S là người bị thu hồi các thửa đất số 139, 127, 126, 125, 119, 116, 115, tờ bản đồ số 10, tại thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để thi công công trình tái định canh số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Hộ ông Lưu Văn D nhận thấy việc thu hồi và bồi thường không đúng bởi những lý do sau:

Thứ nhất, diện tích đất trên của ông Lưu Văn D đã được khai phá, được canh tác ổn định và là nguồn thu thập chính của gia đình nên việc thu hồi đất của ông để giao cho người nơi khác đến canh tác là không hợp lý. Việc thu hồi này khiến gia đình ông đang là hộ nghèo từ năm 2022 đến nay càng lâm vào tình trạng vô cùng khó khăn trong việc ổn định cuộc sống và canh tác.

Thứ hai, nếu thu hồi đất đối với các thửa đất số 139, 127, 126, 125, 119, 116, 115, tờ bản đồ số 10 tại thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thì phải bồi thường cho hộ ông D theo quy định pháp luật, vì những căn cứ sau:

- Thửa đất nêu trên là do ông Bùi Ngọc S1 khai hoang vào năm 1992. Đến năm 2007 thì sang nhượng cho em vợ ông D là ông Lục Văn T (sang nhượng các thửa đất đất số 109, 114, 128, 135, 116, 115, 139, 127, 126, 125, 119, tờ bản đồ số 10). Em vợ ông D tặng cho vợ chồng ông D các thửa đất số 139, 127, 126, 125, 119, 116, 115, tờ bản đồ số 10. Ông D đã nhận đất, tài sản trên đất để canh tác sử dụng ổn định đến nay. Việc thời điểm tạo lập và canh tác ổn định đã được cơ quan chức năng và cơ quan chuyên môn là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện E xác định như sau: 59 cây điều trồng năm 2000, 02 cây xoài thường trồng năm 2000, 01 cây cà phê vối trồng năm 2000. Việc sử dụng ổn định lâu dài còn có minh chứng là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện E xác định 38 cây điều loại A trồng năm 2000, 02 cây xoài loại B trồng

năm 2000, 01 cây cà phê loại A trồng năm 2000... (theo biên bản kiểm đếm ngày 28/6/2024).

- Việc khai phá đất và sử dụng ổn định lâu dài của gia đình ông Bùi Ngọc Q, bán cho em ông D là Lục Văn T, ông Lục Văn T cho gia đình ông D có sự chứng kiến của Trưởng thôn, Phó thôn, Bí thư chi bộ các thời kỳ.

- Ông Lưu Văn D sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, không bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính liên quan đến việc sử dụng đất đai.

Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định các thửa đất nêu trên là khai hoang, sử dụng ổn định và chuyển nhượng đúng theo quy định pháp luật nên khi Nhà nước thu hồi đất thì phải bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống, chuyển đổi nghề cho hộ gia đình ông D theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, kể cả có việc lấn chiếm thì căn cứ vào khoản 2 Điều 77 của Luật Đất đai, khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013, điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang được sử dụng.

Và có một số tài sản trên đất được gia đình ông D tạo lập sau năm 2013. Đề nghị cơ quan chức năng bồi thường các tài sản này cho ông D. Vì ông D không nhận được Thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của Ủy ban nhân dân huyện E nên không biết diện tích đất ông D bị thu hồi. Ngoài ra, căn cứ vào khoản 3 Điều 49 của Luật Đất đai thì sau 3 năm kể từ khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện đã được công bố mà chưa có quyết định thu hồi đất thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố kế việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất. Trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất không điều chỉnh, hủy bỏ hoặc có điều chỉnh, hủy bỏ nhưng không công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ thì người dân không bị hạn chế quyền tạo lập tài sản. Nên các tài sản được tạo lập sau năm 2013 của ông D cũng phải được bồi thường.

Ngày 14/6/2024, ông D nhận được Quyết định số 04/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện E ban hành ngày 23/12/2022 về việc thu hồi đất; Quyết định số 03/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện E ban hành ngày 18/01/2023; Quyết định số 461/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện E ban hành ngày 04/12/2023 về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm mà cho rằng hộ ông D lấn, chiếm đất vào năm 2009 nên chỉ hỗ trợ 50% về đất, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất với tổng giá trị 156.463.680đồng.

Việc không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông D.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện E đã kiểm đếm các thửa đất vào cuối tháng 6/2024, Ủy ban nhân dân xã C xác nhận nguồn gốc đất tháng 8/2024 nhưng Ủy ban nhân dân huyện E không ban hành lại phương án theo bảng giá mới theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 là không đúng quy định.

Vì vậy, ông Lưu Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện E ban hành ngày 23/12/2022 về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lưu Văn D; hủy bỏ một phần Quyết định số 03/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện E ban hành ngày 18/01/2023 và hủy bỏ một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện E ban hành ngày 04/12/2023 về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lưu Văn D. Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất; hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đúng theo quy định pháp luật đối với hộ ông Lưu Văn D (theo bảng giá hiện hành).

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk trình bày:*

Về nguồn gốc đất: căn cứ theo xác nhận số 74/GXN-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã C xác nhận đối với hộ ông Lưu Văn D thì toàn bộ diện tích đất thuộc phạm vi thu hồi của tất cả các hộ gia đình có nguồn gốc lán, chiếm đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giao cho Công ty TNHH một thành viên L quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc cho Công ty L thuê 137.935.686m² đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty để sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Theo đó, thời điểm sử dụng đất ổn định từ năm 2009.

Đối với yêu cầu bồi thường về đất: căn cứ Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013:

“Điều 82. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất
Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:

1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;
2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;
3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;”

Tại Điều 64 của Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“Điều 64. Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai

1. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai bao gồm:

a) Sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích mà tiếp tục vi phạm;

b) Người sử dụng đất cố ý hủy hoại đất;

c) Đất được giao, cho thuê không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền;

d) Đất không được chuyển nhượng, tặng cho theo quy định của Luật này mà nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho;

đ) Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm;

e) Đất không được chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này mà người sử dụng đất do thiếu trách nhiệm để bị lấn, chiếm;

g) Người sử dụng đất không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà không chấp hành;

h) Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục; đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn 24 tháng liên tục;

i) Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng.”

Đất của hộ ông Lưu Văn D đang sử dụng thuộc điểm đ khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai năm 2013 nên không được bồi thường về đất.

Đối với yêu cầu về bồi thường tài sản gắn liền với đất:

Căn cứ Điều 92 của Luật Đất đai năm 2013:

“Điều 92. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất

1. Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 của Luật này.

2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình xây dựng khác không còn sử dụng.”

Tài sản gắn liền với đất của hộ ông Lưu Văn D thuộc khoản 1 Điều 92 của Luật Đất đai năm 2013 nên không được bồi thường.

Căn cứ về hỗ trợ ổn định đời sống: căn cứ khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP: “2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang sử dụng đất thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại các Điều 100, 101 và 102 của Luật Đất đai, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông trường, lâm trường quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất.”

Diện tích đất thu hồi của hộ ông Lưu Văn D có nguồn gốc lấn, chiếm đất của Công ty TNHH MTV L, không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này.

Đối với yêu cầu về hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm: căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP:

“Điều 20. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:

a) Hỗ trợ bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương;

b) Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương.”

Diện tích đất thu hồi của hộ ông Lưu Văn D không đủ điều kiện được bồi thường về đất nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này.

Từ các nhận định và căn cứ nêu trên, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của hộ ông Lưu Văn D.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lục Thị S trình bày: bà là vợ của ông Lưu Văn D. Bà đồng ý với quan điểm và yêu cầu khởi kiện của ông D. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

- Công ty TNHH MTV L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày quan điểm ý kiến của mình trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 136/2025/HC-ST ngày 19/8/2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 10/2025/QĐ-TA ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính; các Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75; Điều 77, Điều 83, Điều 89, Điều 90, 100, 101, 102 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 19, 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần đơn khởi kiện ông Lưu Văn D.

- Hủy một phần Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lưu Văn D.

- Hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E ban hành về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lưu Văn D.

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Lưu Văn D theo quy định của pháp luật.

[2] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn D về yêu cầu hủy Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lưu Văn D.

Bác yêu cầu khởi kiện của hộ ông Lưu Văn D về yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/9/2025, người khởi kiện ông Lưu Văn D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường, hỗ trợ về tài sản; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo đúng thời điểm sử dụng đất và theo bảng giá hiện hành.

Tại phiên tòa phúc thẩm: đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn D về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lưu Văn D và bác yêu cầu khởi kiện về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông Lưu Văn D, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 136/2025/HC-ST ngày 19/8/2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 10/2025/QĐ-TA ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Lưu Văn D là ông Phạm Hữu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người bị kiện vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lục Thị S vắng mặt và Công ty TNHH một thành viên L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Lưu Văn D, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Dự án đầu tư Hồ C, tỉnh Đắk Lắk được Bộ N1 (nay là Bộ N2) phê duyệt tại Quyết định số 1394/QĐ-BNN-XD ngày 15/5/2009. Ngày 28/10/2013, Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Thông báo số 140/TB-UBND thông báo chủ trương thu hồi đất của Công ty TNHH một thành viên L để thực hiện dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1. Ngày 29/12/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 3750/QĐ-UBND về việc ủy quyền phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, ủy quyền thu hồi đất và phê duyệt

phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Ngày 18/01/2023, Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV L (trong đó có diện tích đất do hộ ông Lưu Văn D lấn, chiếm sử dụng) để phục vụ thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Mục đích thu hồi đất nhằm phục vụ cho thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng. Xét việc Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND nêu trên là có căn cứ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục về thu hồi đất theo quy định tại Điều 62, Điều 63, Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn D về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND nêu trên đối với hộ ông Lưu Văn D, là có cơ sở.

[2.2] Đối với kháng cáo của ông Lưu Văn D yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk) phải bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường, hỗ trợ về tài sản; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo đúng thời điểm sử dụng đất và theo bảng giá hiện hành, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.2.1] Nguồn gốc 07 thửa đất số 115, 116, 119, 125, 126, 127 và 139, tờ bản đồ số 10 của hộ gia đình ông Lưu Văn D sử dụng có nguồn gốc trước đây thuộc phần diện tích đất do Nhà nước giao cho Lâm trường Ea Kar quản lý, sử dụng theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc cho Công ty L thuê 137.935.686m² đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 204409 ngày 18/7/2008 cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp. Thời gian sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2043. Ngày 18/01/2023, Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND thu hồi 133.479,8m² đất của Công ty TNHH MTV L để phục vụ thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách thượng tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, trong đó có phần diện tích đất của hộ gia đình ông Lưu Văn D đang canh tác.

Căn cứ kết quả xác nhận số 03/GXN-UBND ngày 26/8/2024 của Ủy ban nhân dân xã C thể hiện nguồn gốc sử dụng đất là: “Lấn, chiếm đất của Công ty L”. Thời điểm lấn chiếm cụ thể: “Các thửa đất 119, 115 được ông D sử dụng ổn định từ tháng 3/2004 đến nay; các thửa 125, 116, 129 có một phần diện tích sử dụng từ tháng 3 năm 2004 cho đến nay, các thửa còn lại là 126, 127 sử dụng ổn định từ năm 2005, 2009”. Tại Công văn số 70/Cty ngày 06/12/2022 của Công ty TNHH MTV L thể hiện: về thời điểm tạo lập tài sản, do tài sản trên đất lấn chiếm không thuộc công ty quản lý nên không xác định được thời điểm tạo lập tài sản. Thời điểm hộ gia đình lấn chiếm, tạo lập tài sản, trước đây Công ty chưa có biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định. Tuy nhiên, một phần diện tích công ty đã dự thảo phương án trả về địa phương theo Phương án sử dụng đất năm 2018 đã được phê duyệt. Do đó, ông Lưu Văn D cho rằng các thửa đất nêu trên có nguồn gốc của gia đình ông nhận tặng cho, là không đúng.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: các thửa đất này do Nhà nước giao cho tổ chức để quản lý; không phải đất được giao, công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân. Hộ ông Lưu Văn D đã lấn, chiếm đất công thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai năm 2013 nên hộ ông Lưu Văn D không được bồi thường về đất và không được bồi thường tài sản gắn liền với đất là đúng quy định tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 92 của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, ông Lưu Văn D khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 và hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E để được bồi thường về đất và bồi thường tài sản gắn liền với đất đối với phần diện tích đất bị thu hồi của ông là không thể chấp nhận.

[2.2.2] Do hộ ông Lưu Văn D không được bồi thường về đất nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ.

[2.2.3] Đối với mức hỗ trợ về đất và các tài sản trên đất thì thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Giấy xác nhận số 06/GXN-UBND ngày 26/8/2024 để xác định thời điểm lấn, chiếm đất của hộ ông Lưu Văn D đối với các thửa đất số 119, 115, 139, 125, 116, 126, 127 là có cơ sở, phù hợp với Biên bản kiểm tra, xác định thời điểm trồng cây của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các mức hỗ trợ về đất và tài sản trên đất, tuyên buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Lưu Văn D theo quy định của pháp luật là có cơ sở. Ông Lưu Văn D cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không nêu rõ phải bồi thường, hỗ trợ theo bảng giá năm nào, nhưng xét thấy: việc áp dụng bảng giá năm nào thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk khi ban hành lại quyết định.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn D và xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn D về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E và buộc Ủy ban nhân dân huyện E (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk) bồi thường về đất, bồi thường về tài sản trên đất; hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông Lưu Văn D là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Lưu Văn D như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do toàn bộ nội dung kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra ông Lưu Văn D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét, ông Lưu Văn D là

đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Lưu Văn D; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 136/2025/HC-ST ngày 19/8/2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 10/2025/QĐ-TA ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng các Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75; Điều 77, Điều 83, Điều 89, Điều 90, 100, 101, 102 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 19, 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện ông Lưu Văn D.

- Hủy một phần Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lưu Văn D.

- Hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E ban hành về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lưu Văn D.

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Lưu Văn D theo quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn D về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lưu Văn D.

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành quyết định hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Về án phí: miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Lưu Văn D.

4. Các Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Liên